

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **I. Giới thiệu về gói thầu**

Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng thuộc công trình: Đường kinh 9 (bờ trái) theo yêu cầu của E-HSMT và tập bản vẽ thi công kèm theo.

- 1.1. Tên gói thầu: Thi công xây dựng.
- 1.2. Tên công trình: Đường kinh 9 (bờ trái).
- 1.3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
- 1.4. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Vĩnh Thạnh.
- 1.5. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- 1.6. Địa điểm xây dựng: xã Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ.
- 1.7. Quy mô xây dựng:
  - Tốc độ xe chạy thiết kế: 15 km/h
  - Tải trọng trục xe tính toán: 2.5 tấn
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông cốt thép
  - Chiều dài tuyến đường: 1.823m
    - + Đoạn qua ấp Đất Mới: 644m
    - + Đoạn qua ấp Long Thạnh và ấp Tân Lập: 1.179m
  - Cao trình tim đường thiết kế:  $\geq +2.77\text{m}$
  - Mặt cắt ngang đường:
    - + Chiều rộng mặt đường: 4.0m
    - + Chiều rộng lề đường:  $0.5\text{m} \times 2 \text{ lề} = 1.0\text{m}$
    - + Chiều rộng nền đường: 5.0m
  - Độ dốc ngang mặt đường: 2%
  - Độ dốc ngang lề: 5%
  - Hệ số mái taluy: 1:1.5
  - Kết cấu mặt đường:
    - + Mặt đường BTCT đá 1x2 M200, dày 10cm.
    - + Trải lớp màng phủ nhựa đen.
    - + Tôn cao nền đường bằng cát đen;  $K \geq 0.95$ .
  - Lề đường đắp đất  $K \geq 0.9$
  - Di dời tuyến ống cấp nước

2. Thời hạn hoàn thành: 90 ngày.

### **II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

| STT | Hạng mục công trình | Ngày bắt đầu | Ngày hoàn thành |
|-----|---------------------|--------------|-----------------|
| 1   |                     |              |                 |
| 2   |                     |              |                 |
| 3   |                     |              |                 |
| ... |                     |              |                 |

### III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

#### 1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

Quy định kỹ thuật trong thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị công trình theo đúng quy định và Bộ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam trong thiết kế bản vẽ thi công công trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ quy định về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43-90 : Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa cho xây dựng – yêu cầu chung
- Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 263-2000: Quy trình khảo sát đường ô tô
- Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 262-2000: Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4419-1987: Khảo sát cho xây dựng – nguyên tắc cơ bản
- Quy chuẩn QCVN 02:2009/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dung trong xây dựng
- Quy chuẩn QCVN07-4:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10380-2014: Đường GTNT – yêu cầu thiết kế
- Quyết định QĐ 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022: Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054 – 2005: Đường ô tô – yêu cầu thiết kế
- Quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ
- Quy chuẩn QCVN 7:2011/BKHCN: Quy chuẩn quốc gia về thép cốt bê tông
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1651:2018: Tiêu chuẩn thép cốt bê tông
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10304 : 2014: Móng cọc tiêu chuẩn thiết kế
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5573 : 2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055:2012: Công trình xây dựng – tổ chức thi công
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9436-2012: Nền đường ô tô – thi công và nghiệm thu
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4447 : 2012: Công tác đất – Thi công và nghiệm thu
- Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT: Ban hành quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6477 : 2016: Gạch bê tông
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8864-2011: Mặt đường ô tô – xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8866:2011: Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát
- Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 346-06: Xác định độ chặt nền móng bằng phiếu rót cát
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4087-2012: Sử dụng máy xây dựng – yêu cầu chung
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4453-1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – quy phạm thi công và nghiệm thu
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5724-93: Kết cấu bê tông và BTCT, điều kiện thi công và nghiệm thu
- Tiêu chuẩn TCXDVN 313-2004: Kết cấu bê tông và BTCT, hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8828:2011: Bê tông – yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1651:2018: Tiêu chuẩn thép cốt bê tông
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4506:2012: Nước trộn bê tông và vữa – yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2682:2009: Xi măng pooc lăng – yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6260:2009: Xi măng pooc lăng hỗn hợp – yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7570:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa – yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9377-2012: Công tác hoàn thiện trong xây dựng – thi công và nghiệm thu
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 07: 2013/TCĐBVN” Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn khác có liên quan.

**\* Danh mục một số vật liệu chính sử dụng cho công trình:**

| Tên vật tư/Thiết bị                          | Tiêu chuẩn kỹ thuật                                                                                         | Chủng loại Xuất xứ                                    |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Cát đen                                      | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp hoặc tương đương.        |
| Cát vàng                                     | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                |                                                       |
| Đá 1x2                                       | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | Biên Hòa, An Giang, Thanh Phú hoặc tương đương.       |
| Đá 4x6                                       | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                |                                                       |
| Xi măng các loại                             | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | Hà Tiên, Insee, Tây Đô hoặc tương đương.              |
| Thép tròn $\Phi \leq 10$                     | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | Miền Nam, Tây Đô, Việt Mỹ, Hòa Phát hoặc tương đương. |
| Cừ tràm                                      | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | Cần Thơ, Cà Mau hoặc tương đương.                     |
| Gạch không nung                              | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | Cần Thơ, An Giang hoặc tương đương.                   |
| Vải địa kỹ thuật                             | - Theo tiêu chuẩn hiện hành.                                                                                | ART, Phú Thành Phát hoặc tương đương.                 |
| Và một số vật tư, vật liệu, thiết bị khác... | - Qui cách, tiêu chuẩn, xuất xứ tương đương theo qui định của thiết kế và theo TCN; TCVN; TCXDVN hiện hành. |                                                       |

**Ghi chú:** Khi nhà thầu dự thầu về vật tư sử dụng cho gói thầu không dùng cụm từ “tương đương” trong bảng danh mục vật tư của mình.

**IV. Các bản vẽ:** File Hồ sơ bản vẽ đính kèm E-HSMT khi phát hành.